TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA **Tỉnh Thanh Hóa** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------*&*----------

Bản án số: 203/2018/HN&GĐ-ST
Ngày 24/7/2018.
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lường Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Trọng Tiến

2. Ông Hoàng Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoằng Hòa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa: Không

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Đức B, Sinh năm 1975.

Địa chỉ: thôn 8, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị Ch, Sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn 8, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt anh B, chị Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2018, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn anh Nguyễn Đức B thể hiện như sau:

Anh Nguyễn Đức B kết hôn với chị Đỗ Thị Ch năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã Tr, huyện H cấp đăng ký kết hôn, sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do cô Ch ngoại tình với một người đàn ông khác, khi sự việc xảy ra anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị Ch vẫn tiếp tục quan hệ với người đàn ông đó, dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn với nhau, gia đình hai bên đã hòa giải dàn xếp để vợ chồng tôi đoàn tụ, nhưng anh xét thấy không thể tha thứ được, tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ch.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức V, sinh ngày 20/01/2001 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/3/2005. Nguyện vọng của anh là được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai của chị Đỗ Thị Ch ngày 08/6/2018 thể hiện như sau:

Chị và anh B kết hôn với nhau năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã Tr, huyện H cấp đăng ký kết hôn. Sau khi cướivợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Nguyên nhân anh B làm đơn xin ly hôn là do anh B có nghi ngờ chị ngoại tình với người khác, vì anh B đọc tin nhắn trong điện thoại của chị, nhưng những tin nhắn đó họ chỉ nhắn để chêu chọc chị, anh B đọc được nghi ngờ và bắt buộc chị phải thừa nhận là ngoại tình với họ, chị không nhận thì anh B chửi bới, đánh đập ép buộc chị phải nhận chứ thực tế chị không có ngoại tình với ai cả, tình cảm giữa chị đối với anh B vẫn còn. Mặc dù anh B gửi đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng hiện nay vợ chồng vẫn đang sống chung với nhau, vẫn ăn uống, sinh hoạt trong một gia đình. Chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức V, sinh ngày 20/01/2001 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/3/2005.

Nguyện vọng của chị là các con lâu nay đang chung sống với nhau cùng một nhà, các cháu cũng không mong muốn bố mẹ ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn vì ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của các con, hơn nữa tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về tài sản: Chị không đồng ý ly hôn nên không đặt ra vấn đề chia tài sản chung của vợ chồng.

Theo bản tự khai của cháu Nguyễn Đức V và cháu Nguyễn Thị H đều thể hiện giữa bố mẹ các cháu không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là hiểu lầm và gia đình vẫn chung sống cùng nhau trong một mái nhà, hàng ngày mẹ vẫn nấu cơm cho ba bố con ăn, các cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ để nuôi các cháu ăn học nên các cháu đều không thể hiện nguyện vọng muốn ở với ai mà muốn được ở với cả bố và mẹ.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện và các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức B chị Đỗ Thị Ch kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện được Uỷ ban nhân dân xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn, như vậy về hôn nhân giữa chị anh B và chị Ch là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo anh B là do chị Ch ngoại tình với người đàn ông khác, khi sự việc xảy ra anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị Ch vẫn tiếp tục quan hệ với người đàn ông đó, dẫn tới vợ chồng mâu thuẩn với nhau, gia đình hai bên đã hòa giải dàn xếp để vợ chồng tôi đoàn tụ, nhưng anh xét thấy không thể tha thứ được, tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ch. Theo chị Ch thì chị không có quan hệ bất chính bên ngoài, chỉ vì trong điện thoại của chị có tin nhắn trêu đùa của ai đó, anh B đọc được chửi bới, đánh đập chị và ép chị thừa nhận là đã có tình ý với người đó, thực tế chị không ngoại tình mà rất yêu thương chồng con, các cháu đang tuổi ăn, tuổi học, chị mong muốn vợ chồng chung sống để nuôi day con cái.

Xét thấy anh B và chị Ch kết hôn từ năm 2001, kể từ đó cho đến năm 2018 vợ chồng sống rất hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn, thời gian gần đây anh cho rằng chị có quan hệ ngoại tình, anh không tha thứ cho chị nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Việc anh cho rằng chị Ch ngoại tình nhưng anh B không đưa ra được bằng chứng nào thể hiện việc chị Ch có quan hệ bất chính với người đàn ông khác mà chỉ tin vào tin nhắn có trong điện thoại của chị Ch và buộc chị Ch phải thừa nhận đó là sự thật. Hiện nay vợ chồng và các con của anh chị vẫn đang sống chung, ăn uống sinh hoạt chung trong một gia đình, hàng ngày chị Ch vẫn đi làm về nấu cơm cho bố con anh B ăn, kinh tế không phân biệt điều đó chứng minh được đời sống vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chưa phải là căn cứ để ly hôn. Các con của anh B và chị Ch đều tha thiết mong Tòa án hòa giải để bố mẹ các cháu đoàn tụ, nuôi dạy các cháu thành người, mong muốn của các cháu là chính đáng.

Xét yêu cầu của chị Ch là chính đáng, lời nại của anh B là không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu của anh B. HĐXX thấy cần thiết phải bác đơn xin ly hôn của anh B đối với chị Ch là hợp tình, hợp lý

Về án phí: Anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1, 4 Điều 147của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26; điển a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1].*Về hôn nhân*: Bác đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Đức B đối với chị Đỗ Thị Ch.

[4]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn Ch phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/0002648 ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa (anh B đã thi hành xong).

Anh B, chị Ch được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa.*
- *Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.*
- *UBND xã.*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)

Lường Thị Hoa